Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 1515.19.00

Mã HS	1515.19.00
Mô tả hàng hóa	Chất béo và dầu không bay hơi khác của thực vật hoặc vi sinh vật (kể cả dầu jojoba) và các phần phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hóa học / - Dầu hạt lanh và các phần phân đoạn của dầu hạt lanh: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	04/11/2026 01:51:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/15151900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1985
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1985
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1985
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	3,6	3,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	3,6	3,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	10.5	10,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1986
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1959
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1959
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1959
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1959
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1959
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1959
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E1989
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1989

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1989
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1989
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1989
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1989
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E1991
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F1991
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1991
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1991
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1991
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1991
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1993
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1961
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1961
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1961
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1961
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1961
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1961
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1961
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1959
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1959
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1959
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1959
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1959
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1959
VCFTA	2022	2022	2	VC!D2000
VCFTA	2023	2023	1	VC!E2000

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2000
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2000
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2000
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2000
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D1999
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E1999
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F1999
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1999
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1999
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1999
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D2005
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E2005
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F2005
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G2005
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H2005
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2005
EVFTA	2022	2022	7,2	EV-NK!D1964
EVFTA	2023	2023	6,3	EV-NK!E1964
EVFTA	2024	2024	5,4	EV-NK!F1964
EVFTA	2025	2025	4,5	EV-NK!G1964
EVFTA	2026	2026	3,6	EV-NK!H1964
EVFTA	2027	2027	2,7	EV-NK!I1964
UKVFTA	2022	2022	7,2	UKV!D1966
UKVFTA	2023	2023	6,3	UKV!E1966
UKVFTA	2024	2024	5,4	UKV!F1966
UKVFTA	2025	2025	4,5	UKV!G1966

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	3,6	UKV!H1966
UKVFTA	2027	2027	2,7	UKV!I1966
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	5	CPTPP!D1966
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	3,7	CPTPP!E1966
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	2,5	CPTPP!F1966
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	1,2	CPTPP!G1966
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1966
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1966
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1966
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D1991
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E1991
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F1991
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G1991
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H1991
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I1991
RCEP B	2022	2022	0	B!D1991
RCEP B	2023	2023	0	B!E1991
RCEP B	2024	2024	0	B!F1991
RCEP B	2025	2025	0	B!G1991
RCEP B	2026	2026	0	B!H1991
RCEP B	2027	2027	0	B!I1991
RCEP C	2022	2022	0	C!D1991
RCEP C	2023	2023	0	C!E1991
RCEP C	2024	2024	0	C!F1991
RCEP C	2025	2025	0	C!G1991
RCEP C	2026	2026	0	C!H1991

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I1991
RCEP D	2022	2022	0	D!D1991
RCEP D	2023	2023	0	D!E1991
RCEP D	2024	2024	0	D!F1991
RCEP D	2025	2025	0	D!G1991
RCEP D	2026	2026	0	D!H1991
RCEP D	2027	2027	0	D!I1991
RCEP E	2022	2022	0	E!D1994
RCEP E	2023	2023	0	E!E1994
RCEP E	2024	2024	0	E!F1994
RCEP E	2025	2025	0	E!G1994
RCEP E	2026	2026	0	E!H1994
RCEP E	2027	2027	0	E!I1994
RCEP F	2022	2022	0	F!D1991
RCEP F	2023	2023	0	F!E1991
RCEP F	2024	2024	0	F!F1991
RCEP F	2025	2025	0	F!G1991
RCEP F	2026	2026	0	F!H1991
RCEP F	2027	2027	0	F!I1991
VIFTA	2024	2024	13.5	VI!F1850
VIFTA	2025	2025	12	VI!G1850
VIFTA	2026	2026	10.5	VI!H1850
VIFTA	2027	2027	9	VI!I1850

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: HH KTCN về an toàn thực phẩm (1182/QĐ-BCT-PL2-2021)		1182/QĐ-BCT-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1515.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 1515.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1985), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH KTCN về an toàn thực phẩm (1182/QĐ-BCT-PL2-2021)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.